

HỘI AN TRONG HÀNH TRÌNH TRUYỀN BÁ CÔNG GIÁO TẠI VIỆT NAM

ĐOÀN TRIỆU LONG*

Có thể nói rằng, Hội An là một trong những thành phố cổ nhất ở Việt Nam còn lại khá nguyên vẹn cho đến ngày nay. Trước đây, vùng đất này được gọi tên là Faifoo. Về nguồn gốc của tên gọi này có rất nhiều cách giải thích khác nhau, như là: do chữ Hải Phố mà ra, hoặc do tên xóm Hoa kiều là Phaiphao, người Việt đọc thành Hải Pháo, người Bồ Đào Nha phiên âm thành Phaiphao. Lại có cách lí giải cho rằng, xuất phát từ vị trí địa lí của Hội An ở bên cửa sông Hoài Giang (Thu Bồn), người Tàu gọi là Hoài Phố, viết theo kí tự La tinh là Haifo, và dần dần theo thời gian biến dạng thành Faifoo⁽¹⁾.

Từ cuối thế kỉ XVI trở đi, chúa Nguyễn đã tổ chức các đơn vị hành chính, đặt thuế xuất nhập cảng, mở cửa Hội An giao thương với nước ngoài, biến Hội An trở thành nơi buôn bán cực kì thịnh vượng, là nơi hội tụ của nhiều đoàn thương gia từ nhiều nơi trên thế giới, trong đó đông nhất là thương gia của Nhật và Trung Hoa. Đến cuối thế kỉ XVI, Hội An đã là một hải cảng quốc tế của Việt Nam với sự giao thương của người Bồ Đào Nha, Anh, Nhật và Trung Hoa. Hội An trở thành thương cảng mậu dịch với ngoại quốc và nơi đô hội buôn bán lớn nhất của toàn Đàng Trong. Lí giải việc Hội An trở thành một thương cảng lớn lúc bấy giờ, Phan Khoang cho rằng: “Hội An

chiếm địa vị ấy là vì Quảng Nam là trấn giàu có trong xứ, phần nhiều sản vật quý đều do đất ấy sản xuất, lại ở gần Chiêm Thành, Quy Nhơn, nên dễ tập hợp những sản vật mà thuyền buôn ngoại quốc cần dùng. Lại còn lí do chính trị: nước ta đã cùng với Trung Quốc giao thương từ thời Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê. Vì sợ người ngoại quốc giả mạo thương nhân để do thám nên triều nào cũng chỉ cho phép họ tụ họp tại những nơi nhất định, gọi là “Bách dịch trường” để buôn bán, và cấm họ lên kinh đô... Chúa Nguyễn ở Nam Hà đối với Hoa thương và thương khách ngoại quốc cũng áp dụng chính sách ngăn ngừa như ở các triều đại trước, nên Hội An xa cách Phú Xuân được chọn là nơi tập trung của họ...”⁽²⁾.

Liên quan đến quá trình truyền bá Công giáo ở xứ Đàng Trong, không thể không đề cập đến sự kiện xảy ra ở Nhật Bản năm 1613. Đây là thời điểm phong trào bài ngoại phát triển ở Nhật Bản, mà một trong những mục tiêu phong trào hướng tới là các nhà truyền giáo Châu Âu. Vào những năm 1614, 1615, Nhật Bản - một trong những nước Châu Á đầu tiên được truyền bá Công giáo, đã có một

*. Ths. Học viện Chính trị-Hành chính khu vực III, Đà Nẵng.

1. Trong bài viết này, để đọc giả tiện theo dõi, BBT sử dụng địa danh đang dùng hiện nay: Hội An.

2. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn học, 2001, tr. 415.

số lượng người theo tôn giáo này khá đông đảo (khoảng 1.800.000 người). Lo lắng rằng, hiện tượng này sẽ có sự ảnh hưởng đến chính trị - xã hội của đất nước, phong trào cấm và diệt đạo bùng nổ mạnh mẽ trên nước Nhật.

Ngày 14/2/1614, Nhật hoàng Daifusana ban chiếu chỉ trục xuất các Thừa sai Công giáo truyền đạo trên đất Nhật Bản. Trước tình thế đó, các giáo sĩ Dòng Tên phải tìm cách lánh nạn ở những nước lân bang trong khu vực. Và Hội An cũng là một địa chỉ để các giáo sĩ Dòng Tên ở Nhật Bản tìm đến. Đây là lí do để Linh mục F. Buzomi (Italia) và Linh mục J. Carvalho (Bồ Đào Nha) cùng hai trợ sĩ (Nhật Bản) là Giuse và Phaolô được phái sang Hội An. Các giáo sĩ trên đây vừa nhằm tránh nạn, vừa có nhiệm vụ tận dụng các cơ hội thuận lợi để tiến hành truyền giáo ở vùng đất mới. Bởi lẽ, các giáo sĩ của Dòng Tên ở Macao trước đó đã được một thương nhân Bồ Đào Nha là Ferdinand da Costa, người thường xuyên buôn bán ở Đàng Trong, cho biết về *“một triển vọng tốt đẹp của việc cải giáo cho vương quốc này”*⁽³⁾.

Sở dĩ mảnh đất Hội An được chọn làm điểm đến của các giáo sĩ Dòng Tên ở Việt Nam bởi vì, như trên đã nêu, đây là nơi buôn bán sầm uất của Đàng Trong với nước ngoài, đặc biệt vì ở đây đang có nhiều thương nhân Nhật Bản có đạo. Việc sẵn có cộng đồng Nhật kiều là người Công giáo ở Hội An sẽ giúp các giáo sĩ trong buổi đầu đến Việt Nam - cả về vật chất lẫn công việc, như làm thông ngôn và trung gian hướng dẫn họ tiếp xúc với người dân bản xứ. Mặt khác, mảnh đất này còn hết sức tiện lợi để từ đó tỏa ra khắp các vùng đất khác ở Đàng Trong cũng như việc đi lại giữa Macao, Việt Nam và Malacca.... Điều này chứng tỏ các

giáo sĩ Dòng Tên ở Nhật Bản đã có sự nghiên cứu kĩ lưỡng và đúng đắn cho chuyển di của mình. Và thế là *“Các giáo sĩ để lại phía sau một giáo hội Nhật hào hùng bị thiêu huỷ cùng với công trình văn hóa và ngôn ngữ. Thay vào sự mất mát lớn lao ấy, Dòng Tên lại tìm được một miền đất hứa lạ lùng, điểm tuyệt vời hai xứ Thuận Quảng từ thời Nguyễn Hoàng vào làm trấn thủ”*⁽⁴⁾.

Sau 12 ngày vượt đại dương, chuyến tàu chở 4 nhà truyền giáo nêu trên đã tới Hội An vào ngày 18/1/1621. Tại đây, họ hầu như không gặp trở ngại nào từ phía chính quyền Đàng Trong lúc bấy giờ (do Sãi Vương đứng đầu). Nguyên nhân là: *“Vì mãi lo củng cố binh lực, Sãi Vương không để ý đến vấn đề tôn giáo, nên các cha tự do truyền đạo, lại còn được kính nể...”*⁽⁵⁾. Như vậy, mảnh đất Hội An là địa chỉ đầu tiên, ghi dấu ấn về sự tồn tại và của Công giáo ở Đàng Trong. Không những thế, với vị trí quan trọng của mình, mảnh đất này còn đóng một vai trò hết sức quan trọng trong suốt một quá trình dài truyền giáo và phát triển của Công giáo ở Việt Nam. Có thể nhận thấy điều này qua một vài điểm nhấn sau:

1. Hội An là nơi giáo xứ đầu tiên ở Đàng Trong được thành lập, từ đó tạo bước đệm vững chắc cho sự phát triển của Công giáo ở Đàng Trong

Với sự xuất hiện của các giáo sĩ Dòng Tên tại Hội An, những hoạt động truyền giáo của Công giáo được chính thức tiến hành ở Đàng Trong của nước ta với những việc làm sơ khởi, đó là xây cất các

3. Nguyễn Văn Kiệm. *Sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Việt Nam*, tr. 15.

4. Cao Thế Dung. *Việt Nam Công giáo sử*, quyển 1, tr. 341-42.

5. Một giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*. Calgary-Canada, 1998, quyển 1, tr. 90.

nhà thờ (thực chất ban đầu chỉ là các nhà nguyện) và thành lập ra những giáo xứ đầu tiên trên mảnh đất này (như Hội An, Thanh Chiêm...).

Sau khi đến Hội An, Linh mục Buzomi cùng với các đồng sự đã dựng tạm một nhà nguyện cho giáo dân Nhật kiều và cho người Bồ Đào Nha, những người đến buôn bán ở trên mảnh đất này, để họ có thể thực hiện những nghi lễ tôn giáo. Nhà nguyện này cũng là trụ sở truyền giáo đầu tiên cho các tân tín đồ người Việt ở những vùng xung quanh (Có tài liệu còn cho rằng, Linh mục Buzomi còn lập một nhà thờ nữa tại nơi có tên là Kean - tức là Kẻ Hàn. Địa danh này về sau cũng được ghi lại trên tấm bản đồ nổi tiếng của Alexandre de Rhodes vẽ năm 1650, nằm ở vị trí chân đèo Hải Vân.

Công cuộc truyền đạo của các giáo sĩ được tiến hành ngay lập tức với sự phân công khá rõ ràng: *“Cha Carvalho và hai thầy trợ sĩ phụ trách Nhật kiều Công giáo ở Hải Phố, cha Buzomi học tiếng Việt và giảng đạo cho người Việt. Dân Quảng Nam rất thích nghe cha Buzomi giảng bằng tiếng Việt...”*⁽⁶⁾. Kết quả bước đầu thu được khá khả quan, có 10 người xin chịu phép Rửa tội vào dịp lễ Phục Sinh năm 1615, trong số đó, có một thanh niên tên là Autinh xin theo giúp các giáo sĩ. Nhân vật này chính là thành viên đầu tiên của Tổ chức Thầy giảng ở Đàng Trong. (Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, Hội An chính là nơi đào tạo ra những thầy giảng đầu tiên cho Đàng Trong). Việc các giáo sĩ lập ra những giáo xứ đầu tiên ở Hội An đã tạo đà cho quá trình truyền bá Công giáo ra những vùng lân cận của Hội An, và xa hơn nữa là khắp Đàng Trong cũng như nhiều nước lân cận.

Sau khi đã ổn định bước đầu, tháng 7/1615, Linh mục Buzomi bắt đầu mở

rộng địa bàn hoạt động. Thông qua sự hướng dẫn của những người dân địa phương, ông đã mở rộng công cuộc truyền giáo vào trấn Quảng Nam. Tại đây, Linh mục Buzomi không những được quan trấn tiếp đãi tử tế, mà còn được lo liệu về cơ sở thờ tự, nên việc truyền đạo bước khởi đầu khá thuận lợi. Cuối năm 1615, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) cho phép giáo sĩ này xây hai thánh đường: một ở Hội An và một ở Quảng Nam. Linh mục Buzomi đi hoạt động ở khắp miền lân cận và ngay từ năm đầu tiên này, đã có ba trăm người theo đạo.

Ở Hội An, thương gia Nhật đến mỗi ngày thêm đông, nhiều lúc trên ngàn người. Năm 1619, Linh mục Marquez rửa tội thêm cho 40 tân tông, và dựng một nguyện đường riêng cho Nhật kiều. Những kết quả của công cuộc truyền giáo ở Đàng Trong bước đầu xem như đã thành công và tạo những cơ sở vững chắc cho quá trình truyền giáo lâu dài sau này. Và như vậy, Linh mục Buzomi trở thành vị giáo sĩ Dòng Tên thứ nhất đã đến Việt Nam và lập nên Giáo hội Miền Nam mà điểm khởi phát đầu tiên là tại Hội An, Quảng Nam- Đà Nẵng.

2. Hội An là điểm đến đầu tiên của các giáo sĩ nước ngoài, để từ đó đi truyền đạo rộng khắp nhiều nơi trong cả nước

Từ việc chọn được một “điểm đến” thuận lợi mang tên Hội An, các bậc bề trên của Dòng Tên liên tiếp cử thêm các giáo sĩ đến nơi đây. Trong suốt những năm đầu thế kỷ XVII, hàng loạt linh mục theo các tàu buôn nước ngoài cập bến Hội An để truyền đạo và từ đó tỏa ra các vùng lân cận khắp Việt Nam. Năm 1617, Bồ

6. Bùi Đức Sinh. *Giáo hội Công giáo Việt Nam*, quyển I, tr. 358-59.

trên Dòng tại Macao phái thêm hai giáo sĩ: Fr.Pina (Italia), Fr.Barreto (Bồ Đào Nha) và thầy trợ sĩ Díaz (Bồ Đào Nha) sang giúp Linh mục Buzomi (giáo sĩ Barreto ở Việt Nam mấy tháng rồi cùng với Fernández sang Chân Lạp). Giáo sĩ Pina cùng với hai thầy người Nhật ở lại Hội An, còn Linh mục Buzomi đem theo hai thầy Díaz và Autinh vào Bình Định theo lời mời của vị quan trấn thủ. Năm 1618, lại có thêm hai giáo sĩ nữa là P. Marquez (Bồ Đào Nha lai Nhật) và C. Borri (Italia). Năm 1622, Bề trên Tỉnh dòng ở Macao phái thêm bốn giáo sĩ nữa là: Emmanoel Fernádes, Emmanoel Borgès (Bồ Đào Nha), Giovannidi Leira (Italia) và Romano Niti (Nhật Bản). Giáo sĩ Fernádes đến thay thế Linh mục Márques ở khu thương mại Nhật kiều Hội An. Vì thông thạo ngôn ngữ và phong tục Việt Nam, Linh mục Márques được sai đi cộng tác với giáo sĩ De Pina ở Quảng Nam.

Vậy, rõ ràng là Hội An đã khẳng định vai trò “điểm đến” của mình trong quá trình truyền giáo ở Đàng Trong (nói riêng). Điều này cũng được chính các giáo sĩ đương thời ghi nhận và thuật lại: *“Trong mấy năm sau, 1620, 1621 và 1622, Dòng đã phái liên tiếp những thợ mới đến làm vườn nho đẹp đẽ này, vườn nho bắt đầu lan ra khắp đất nước. Cha Emmanuel Porgez cũng tới. Tôi sẽ không kể tên các cha khác, sợ quá dài dòng. Như vậy cũng đủ nói lên rằng đã có mấy người kiên trì hoạt động và trong ít lâu đã thành lập được mấy giáo đoàn”*⁷⁾. Từ nơi đây, các giáo sĩ chia nhau hoạt động như sau: Fernández ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, hai giáo sĩ Borges và Luis ở Quy Nhơn và Phú Yên, Machi ở Hội An, Machida ở Cửa Hàn; các giáo sĩ Buzomi, Majorica, Fontes đi giảng đạo cho người Chiêm Thành, rồi sang Chân Lạp.

Năm 1634, giáo sĩ Buzomi về Macao và qua đời ở đó.

A.de Rhodes cũng là một trường hợp như vậy, vị giáo sĩ này đến Việt Nam vào tháng 12 năm 1624 với địa bàn hoạt động khá rộng: từ Hội An ra cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài, Macao (rồi sau đó về hẳn Châu Âu năm 1645). Sau khi đến Hội An, A. de Rhodes đã tiếp cận được với chúa Sãi Vương, rồi cải giáo cho một bà có họ gần với Chúa; bà này - có tên thánh là Marie Madeleine, đã ra sức thuyết phục những người xung quanh theo đạo và che chở cho các giáo sĩ, lại lập một nhà nguyện trong khu nhà ở của mình. Cuối tháng Giêng năm 1642, giáo sĩ này trở lại Đàng Trong lần thứ ba và cũng đặt những bước chân đầu tiên đến mảnh đất Hội An, để rồi từ đó đi ra vùng bắc đèo Hải Vân, lên Kim Long biểu chúa Thượng một chiếc đồng hồ, và được giữ lại ở phủ chúa.

3. Hội An là nơi trú ẩn chắc chắn của các giáo sĩ tránh mọi sự truy lùng, bắt bớ trong những thời kì nhà Nguyễn cấm đạo

Nhìn lại lịch sử, do nhiều lí do khách quan và chủ quan, sau một thời kì yên bình và tạo nên những quan hệ tốt giữa Công giáo và chính quyền, những xung đột, mâu thuẫn đã xảy ra và kết quả của nó là các chúa Nguyễn tẩy chay các giáo sĩ Dòng Tên, trục xuất họ ra khỏi Đàng Trong. Trong tình hình đó, Hội An chính là nơi tất cả các giáo sĩ từ nước ngoài vào Đàng Trong truyền giáo phải tập trung về quản thúc trước khi bị trục xuất (chủ yếu là về Ma Cao).

Tháng 12/1625, chúa Sãi ra lệnh tập trung các nhà truyền giáo tại Hội An.

7. A. de Rhodes. *Hành trình và Truyền giáo*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 54.

Giáo sĩ Alexandre de Rhodes kể lại rằng: “Năm 1625, Chúa ra lệnh cấm chúng tôi, sau đó trừng trị giáo dân. Chúa truyền cho hết các Cha Dòng phải rời bỏ các giáo đoàn đã thành lập và rút lui về Hội An, viện cớ để bảo vệ tính mạng cho chúng tôi và sự tự do thi hành chức vụ”⁽⁸⁾.

Không chỉ vào năm 1625 mà nhiều lần sau này, giáo sĩ Đắc Lộ cũng đã tìm đến Hội An để ẩn mình và truyền giáo: Năm 1640 “Tôi lần tránh và sửa soạn đường trước khi tiến tới dự định chính. Tôi liền lần trốn ở một tỉnh gọi là Hội An, nơi người Nhật đến buôn bán sầm uất...”⁽⁹⁾. Năm 1645: “Tàu Tây đã thấy đi rồi thì tôi mừng lễ Phục Sinh trong tỉnh Quảng Nam, có rất đông giáo dân đến làm nhiệm vụ trong những ngày thánh. Từ đó tôi trở lại thành phố người Nhật gọi là Hội An”⁽¹⁰⁾. Có tài liệu còn ghi rõ rằng vào thời điểm này “trong 22 ngày bị giam ở Hải Phố, Cha (Alexandre de Rhodes) đã rửa tội cho 92 người”⁽¹¹⁾.

Đối với nhiều giáo sĩ khác cũng vậy, năm 1650, hai giáo sĩ Saccano và Della Rocca vẫn ẩn lánh và bí mật truyền giáo ở Hội An và Cửa Hàn. Đây trở thành những nơi các giáo sĩ tiếp tục hành đạo khi các giáo dân những vùng lân cận tìm đến. “Những dịp lễ lớn, từ nơi xa xôi, họ kéo đến gặp các cha để lãnh ơn Bí tích rồi trở về đưa bà con và dân làng gia nhập đạo”⁽¹²⁾, v.v....

Tiếp theo, trong hai năm 1656-1657, “các cha vẫn không được ra ngoài khu vực Cửa Hàn và Hải Phố. Cha Rivas ở Hải Phố, cha Márques ở Cửa Hàn. Cha Rivas tổ chức mừng lễ Chúa Giáng sinh 1656 long trọng ở Hải Phố”⁽¹³⁾.

Và âu cũng xuất phát từ vị trí như đã nêu, khi một trăm năm sau, Hội An vẫn là điểm tập kết cho những giáo sĩ bị bắt và bị

trục xuất. Năm 1750, khi chúa Võ vương ban hành chỉ dụ bắt đạo khắp vùng Đàng Trong, nhiều giáo sĩ bị bắt và bị trục xuất. “Tháng 1/1750, Vũ vương cho dẫn độ các giáo sĩ về Hải Phố và trục xuất khỏi Đàng Trong về Macao ngày 26/8/1750...”⁽¹⁴⁾.

4. Hội An là nơi đã diễn ra Công đồng đầu tiên của Đàng Trong (thứ hai của Việt Nam), và là nơi đặt Tòa Giám mục đầu tiên ở Đàng Trong

Việc triệu tập Công đồng đầu tiên ở Đàng Trong tại Hội An và là lần thứ hai ở Việt Nam (sau Công đồng Nam Định) cũng là một điểm nhấn của vùng đất Hội An trong lịch sử Công giáo Việt Nam. Người đã đứng ra tổ chức Công đồng này chính là giáo sĩ Lambert de la Motte - Giám mục tiên khởi của Tòa Thánh La Mã và của Hội Thừa sai Paris. Sau khi Hội Truyền giáo Paris được thiết lập, Lambert de la Motte được cử làm Đại diện Tông tòa đầu tiên ở Đàng Trong năm 1659. Sau khi đi kinh lý một số tỉnh phía Nam, Lambert lập tu viện “Chị em Mến Thánh giá” ở Quảng Ngãi, rồi về Hội An tháng 1/1672. Ở đây, Lambert triệu tập Công đồng, xem xét việc đạo, kêu gọi sự hòa hợp trong giáo hội và thông báo nội dung Công đồng Nam Định. Trong tác phẩm *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, tác giả Bùi Đức Sinh thuật lại sự kiện này

8. A. de Rhodes. *Hành trình và Truyền giáo*, Ủy ban Sdd, tr. 59.

9. A. de Rhodes. *Hành trình và Truyền giáo*, Ủy ban Sdd, tr. 90-91.

10. A. de Rhodes. *Hành trình và Truyền giáo*, Ủy ban Sdd, tr. 183.

11. Một giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, ... Sdd, quyển 1, tr. 198.

12. Một giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, ... Sdd, quyển 1, tr. 207.

13. Một giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, ... Sdd, quyển 1, tr. 209.

14. Cao Thế Dung. *Việt Nam Công giáo sử*, ... Sdd, quyển 2, tr. 904.

như sau: “Tháng 1/1672, Đức Cha tới Hải Phố, người đến ở trên một cù lao hẻo lánh, để nghiên cứu tình hình tôn giáo. Sau đó, ngày 19 tháng 2, Đức Cha nhóm họp Công đồng. Tham dự có 6 thừa sai, 4 linh mục người Việt, một số đông thầy giảng, các cha Dòng Tên được mời nhưng không ai đến. Hội Công đồng, Đức Cha nhằm đem lại sự hòa thuận hiệp nhất cộng đoàn tín hữu. Đức Cha phổ biến các sắc lệnh Tòa Thánh đặt vị Đại diện Tông tòa tại Đàng Trong. Kế đó, Đức Cha trao cho các linh mục người Việt và các thầy giảng bản nghị quyết của Công đồng Dinh Hiến ở Đàng Ngoài, với những chỉ thị riêng”¹⁵.

Với hai công đồng - Nam Định và Hội An, Lambert đã củng cố đội ngũ các thừa sai Pháp, đội ngũ các linh mục và thầy giảng bản xứ, đưa cuộc truyền giáo vào nề nếp, tạo đà cho các giám mục địa phận, sau đó là đẩy mạnh việc phát triển đạo. Đúng mười năm sau, năm 1682, Công đồng lần thứ hai của Giáo phận Đàng Trong lại một lần nữa được khai mạc trên mảnh đất Hội An này. Năm 1682, Giám mục Laneau từ Xiêm La đến Hội An mang theo sắc lệnh của Tòa Thánh bổ nhiệm mình làm Giám quản Giáo phận và giáo sĩ Guillaume Mahot làm Giám mục Đại diện Tông tòa. Lễ tấn phong được tổ chức tại Hội An. Ngày 26/10/1682, hai vị Laneau và Guillaume Mahot đã triệu tập và chủ trì Công đồng II của Giáo phận Đàng Trong với mục đích là giải quyết và điều chỉnh nhiều vấn đề thuộc tổ chức quản trị địa phận, phương hướng và tổ chức sinh hoạt tôn giáo tại miền Nam.

Từ Công đồng lần thứ nhất, Tòa Giám mục của địa phận Đàng Trong cũng được chính thức đặt tại Hội An, mãi đến sau này mới được chuyển ra kinh đô Huế. (Thời kì của vị Đại diện Tông tòa thứ 4 là

Alexandro De Alexandrex, người Italia. chuyển Tòa Giám mục ra Huế nhưng vị Phó Giám mục là Valere Rist thì vẫn ở Hội An. Điều này thể hiện một quá trình chuyển đổi của lịch sử truyền giáo, mặt khác cũng tự thân nói lên vai trò quan trọng không thể bỏ qua của Hội An trong vấn đề này.

5. Hội An còn là nơi an táng của nhiều giáo sĩ nước ngoài

Hội An không chỉ là nơi đầu tiên các giáo sĩ nước ngoài đặt chân đến, mà còn rất đặc biệt vì đây cũng chính là nơi an nghỉ cuối cùng của nhiều các giáo sĩ nổi tiếng truyền đạo ở Việt Nam. Trong số những giáo sĩ được an táng tại đây, đầu tiên phải kể đến là vị Đại diện Tông tòa thứ 3 - Giám mục Guillaume Mahot. Vị này nắm quyền cai quản Giáo phận năm 1682, nhưng “từ ngày nhận chức giám mục địa phận, đã tỏ ra nhiệt thành với nhiệm vụ, người làm việc gấp hai khi trước để lo cho giáo đoàn và lo cho linh hồn mình được cứu rỗi. Sự nhiệt thành và sự lo lắng đã khiến Đức Cha mất sớm...”¹⁶. Giám mục Guillaume Mahot mất tại Hội An vào ngày 1/6/1684, tức 18 tháng sau khi được tấn phong Giám mục.

Một giáo sĩ nữa cũng rất nổi tiếng và được an táng tại Hội An là Giám mục F.Peres. Giám mục F.Peres được Tòa Thánh phong Giám mục, Đại diện Tông tòa Đàng Trong vào năm 1691, qua đời vào ngày 29 tháng 9 năm 1728, thọ 85 tuổi và có 37 năm cai quản địa phận.

Giáo sĩ thứ ba là một linh mục thuộc Dòng Phan Sinh - Linh mục Valere Rist. Linh mục Valere Rist mang quốc tịch Đức, trước đó hoạt động trên một địa bàn

15. Một giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam...* Sdd, quyển I, tr. 285.

16. Một giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam...* Sdd, quyển I, tr. 298.

rộng, từ Đồng Nai đến Phú Xuân. Năm 1737, Linh mục được Tòa Thánh đặt làm Giám mục phụ tá kế vị, lễ tấn phong được cử hành long trọng tại một nhà thờ dòng ở Phú Xuân. Tuy nhiên, vị Phó Giám mục này cũng qua đời sau đó ít lâu, (ngày 15 tháng 9 năm 1737) và cũng được an táng tại nghĩa trang người nước ngoài ở Hội An. Sau này được đưa vào khuôn viên thánh đường của giáo xứ Hội An.

Ngày nay, nếu có dịp đến Hội An và thăm nhà thờ Hội An, chúng ta vẫn có thể thấy những nắm mộ của các nhà truyền giáo phương Tây trong khuôn viên của nhà thờ, ghi rõ tên tuổi các giáo sĩ như: F.Perez, Guillaume Mahot, Valere Rist... Đây cũng chính là những chứng tích cho một thời kì lịch sử truyền giáo của Công giáo ở Việt Nam.

Lịch sử dân tộc Việt Nam mang trong mình rất nhiều những biến động trong đó có cả sự biến đổi của nhiều vùng đất và tầm ảnh hưởng của nó. Hội An cũng là một trong những vùng đất như vậy. Từ chỗ là một thương cảng nổi tiếng sầm uất và thịnh vượng bậc nhất xứ Đàng Trong để rồi theo thời gian, địa vị số một ấy không còn.

Về vấn đề đang được đề cập đến ở trên cũng vậy. Vào những năm cuối thế kỉ XVII trở đi, *"Hội An không còn giữ vai trò đầu não của Giáo phận Đàng Trong nhưng vẫn là trung tâm của Tin Mừng lớn nhất Nam Hà. Các Thừa sai Balê hay các Dòng khác như Phanxicô đều tập trung ở đây, với sự giúp đỡ của Dòng Tên trước khi lên Phú Xuân hay tỏa ra các nơi khác"*¹⁷. Thay vào đó, Hà Tiên trở thành vị trí số một ở miền nam Đông Dương với số giáo dân tăng lên khoảng 70.000. Qua thế kỉ XVIII, đời chúa Hiên, Hội An không còn là trung tâm thương mại của

người Tây Phương ở xứ Đàng Trong nữa. Khu Nhật kiều cũng suy giảm, chỉ còn lại một nhóm nhỏ Công giáo người Nhật Bản do Linh mục Mắckê và các giáo sĩ Dòng Tên lo việc tuyên úy. Những năm 1770, Sài Gòn - Hà Tiên đã thay thế, gánh vác trọng trách của Hội An để trở thành trung tâm giao liên chính của Giáo phận Đàng Trong. Tuy các giáo sĩ Dòng Tên vẫn còn hoạt động ở Hội An, giáo sĩ Pháp thì thường ở Cửa Hàn còn các giáo sĩ Phanxicô lại chọn Trà Kiệu là trung tâm, nhưng quả thật Hội An đã không còn giữ được vị trí số một trong việc tạo "điểm đến" và truyền giáo ở Đàng Trong.

Đến triều Gia Long, chính sách tự do tôn giáo được ban hành và thực thi nhưng không mấy người có đạo trở về sinh sống ở Hội An. Còn Hoa kiều phần đông kéo nhau vào lập nghiệp ở Gia Định-Chợ Lớn. Theo nhiều sử liệu thì hơn một thế kỉ từ năm 1800 đến năm 1914, vùng đất Hội An không có nhà thờ, không có linh mục quản xứ, và không có cả những sinh hoạt tôn giáo. Mãi đến năm 1914, Tòa sứ di chuyển từ La Qua, Vĩnh Điện về Hội An thì một ngôi nhà nguyện nhỏ mới được lập lên. Ngôi nhà nguyện này chính là tiền thân của nhà thờ lớn Hội An hiện nay, được trùng tu năm 1963.

Như vậy, theo thời gian và sự đổi thay, Hội An đã nhường vai trò trung tâm của quá trình truyền bá và hoạt động của Công giáo cho những vùng đất khác. Tuy không còn đóng vai trò trung tâm như trước đây, nhưng với những điều vừa nêu trên, rõ ràng vùng đất Hội An mãi là một điểm nhấn, mang những dấu mốc quan trọng trong tiến trình hoạt động của Công giáo ở Việt Nam./.

17. Một giáo sư Sử học, *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam...* Sđd, quyển 1, tr. 298.